

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ CÔNG THƯƠNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

**Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia
(Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”)**

(Kèm theo Tờ trình số 970/TTr-SCT ngày 07/6/2024 của Sở Công Thương)

Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Đơn vị lập: Sở Công Thương tỉnh Điện Biên

Điện Biên, tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án Dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Văn bản số 8682/BKHĐT-KTĐN ngày 30/11/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc nguồn vốn đầu tư dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Văn bản số 8335/BCT-ĐL ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc ý kiến danh mục đề nghị chấp thuận bổ sung danh mục, quy mô dự án Cấp điện nông thôn Điện Biên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 8567-CV/VPTW ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn bị tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ;

Căn cứ Văn bản số 9576/VPCP-KGVX ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954- 07/5/2024);

Căn cứ Thông báo số 49/TB-VPCP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 15/10/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV;

Căn cứ Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên, Về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên, Về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Văn bản số 130/UBND-KGVX ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc Giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Đề án kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ;

Căn cứ Văn bản số 281/TTg-KTTH ngày 05/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho 02 dự án để khởi động, công bố trước Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ;

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-TTg ngày 05/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2024 cho tỉnh Điện Biên thực hiện các Dự án để khởi động, công bố trước Lễ kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ;

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Điện Biên phân bổ chi tiết vốn NSĐP năm 2024 thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng 02 dự án để khởi động, công bố trước Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ và kinh phí tổ chức thi tuyển kiến trúc thiết kế tượng đài Thanh niên Xung phong Điện Biên Phủ;

Căn cứ Tờ trình số 223-TTr/BCSD ngày 14/5/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Điện Biên về việc Xin chủ trương trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình Bùng sáng Điện Biên);

Căn cứ Văn bản số 2248/UBND-KT ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc hoàn thiện hồ sơ lập lại Báo cáo chủ trương đầu tư dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình Bùng sáng Điện Biên).

Sở Công Thương tỉnh Điện Biên lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”), với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”).

2. Dự án nhóm: Dự án nhóm B.

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

4. Tên chủ đầu tư: Chưa giao đơn vị Chủ đầu tư

5. Địa điểm thực hiện dự án: Dự án được thực hiện trên địa bàn các huyện: Mường Nhé, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Ảng, Tuần Giáo, Điện Biên, Tủa Chùa.

6. Dự kiến Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn:

- Tổng mức đầu tư cho dự án dự kiến là: **1.260.000.000.000** đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn ngân sách Trung ương (hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2024 và năm 2025)

- Dự kiến bố trí vốn: Bố trí trong 02 năm (2024-2025)

+ Năm 2024: 500 tỷ đồng

+ Năm 2025: 760 tỷ đồng

7. Thời gian thực hiện: 2024 - 2026.

8. Các thông tin khác:

Dự án dự kiến được phân chia thành 7 dự án thành phần gồm:

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Nhé. Tổng mức đầu tư 162.430.794.785 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Chà. **Tổng mức đầu tư 341.886.852.875 đồng**

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Nậm Pồ. Tổng mức đầu tư 163.060.844.941 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Ảng. Tổng mức đầu tư 100.887.310.165 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Tuần Giáo. Tổng mức đầu tư 112.425.297.802 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Điện Biên. Tổng mức đầu tư 163.787.169.717 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Tủa Chùa. Tổng mức đầu tư 215.521.729.715 đồng

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư

1.1. Khái quát chung

1.1.1. Vị trí địa lý

Điện Biên là một tỉnh biên giới miền núi thuộc vùng Tây Bắc cách Hà Nội 504 km về phía Tây Bắc, phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La, phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Tây và Tây Nam giáp CHDCND Lào; là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với 2 quốc gia Trung Quốc và Lào.

Toàn tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố bao gồm: Thành phố Điện Biên Phủ, Thị xã Mường Lay và 08 huyện: Mường Nhé, Mường

Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Ảng và Nậm Pồ. Tổng diện tích đất tự nhiên là 953.992,60 ha.

1.1.2. Điều kiện địa hình

Do chịu ảnh hưởng của hoạt động kiến tạo nên địa hình của tỉnh Điện Biên rất phức tạp, cấu trúc địa hình núi cao là phổ biến và chiếm phần lớn đất tự nhiên toàn tỉnh. Xen lẫn các dãy núi cao là các thung lũng, sông suối nhỏ hẹp và dốc phân bố khắp nơi trong địa bàn tỉnh, đặc biệt có thung lũng Mường Thanh với diện tích rộng 150.000 ha với bề mặt phẳng tạo nên cánh đồng Mường Thanh rộng lớn. Núi cao ở đây bị bào mòn mạnh tạo thành những bán bình nguyên rộng lớn với chiều dài hàng trăm km. Ngoài ra còn có các dạng địa hình thung lũng, sông suối, bãi bồi, sườn tích, hang động caster, đứt gãy do chịu tác động mạnh của hoạt động tân kiến tạo.

Nhìn chung đặc điểm địa hình của tỉnh Điện Biên có những đặc trưng cơ bản sau:

a. Địa hình núi cao và núi cao trung bình

Loại này phổ biến và chiếm đại bộ phận diện tích trong tỉnh, đó là những nếp uốn cổ, có hướng chủ yếu Tây Bắc - Đông Nam. Đến kỷ đệ tứ chịu ảnh hưởng của tân kiến tạo, bề mặt được nâng lên ở mức độ khác nhau.

Địa hình núi cao trung bình chiếm diện tích lớn nhất bao gồm những dãy núi và các ngọn núi cao riêng biệt, tập trung chủ yếu ở phía Bắc như Nà Tấu, Mường Pồn, một số ở phía Tây Nam và phía Nam như Na Ú, Mường Lói... với độ dốc trung bình 20 - 250, độ cao trung bình từ 1.000 - 1.500 m chia cắt sâu và ngang tương đối lớn. Nó được hình thành từ đầu Phiôxan.

Địa hình núi cao 1.700 - 1.800m, gồm những dãy núi riêng biệt như dãy Việt - Lào, Pa Sam Cáp hoặc các bậc địa hình kề cận dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Việt - Trung. Đây là kết quả của sự nâng lên và chia cắt bề mặt từ cuối Mioxen hình thành ở phía Bắc.

Địa hình cao trên 2.000m chiếm một diện tích khá nhỏ có dạng sắc nhọn như răng cưa đan cắt nhau, độ dốc lớn, chia cắt sâu.

b. Địa hình đồi bát úp

Dạng này được hình thành bởi những dãy đồi hoặc nhóm đồi riêng biệt có dạng bát úp, độ cao trung bình từ 600 ÷ 1.000 m tập trung chủ yếu ở phía Nam và xung quanh lòng chảo Điện Biên. Địa hình bằng phẳng, độ dốc tương đối nhỏ có lớp vỏ phong hoá dày, có nơi dày tới 10 ÷ 20 m, vùng này có diện tích canh tác khá lớn, đất đai có khả năng trồng cây công nghiệp, cây đặc sản và chăn nuôi.

c. Địa hình thung lũng

Xen kẽ giữa các dãy núi và cao nguyên là các thung lũng. Hướng của thung lũng trùng với hướng sông, suối. Các thung lũng này được hình thành chủ yếu do quá trình bồi tụ. Địa hình là các thung lũng Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Chà.

Điền hình nhất là thung lũng Điện Biên trải rộng trên diện tích 150 km² có độ cao nhỏ hơn 500 m so với mực nước biển, độ dốc trung bình từ 10 ÷ 200, địa hình tương đối bằng phẳng, có nhiều đặc điểm giống như những cánh đồng vùng châu thổ, có khả năng phát triển cây lương thực, thực phẩm rau, màu và cây công nghiệp.

1.1.3. Khí hậu thủy văn sông ngòi

a. Đặc điểm khí hậu

Điện Biên có khí hậu nhiệt đới, mang đặc điểm chung của vùng khí hậu Tây Bắc, thể hiện tác dụng của địa hình hoàn lưu khí quyển. Đặc biệt khí hậu mùa Đông tương đối ấm, mùa hạ đến từ tháng 3, mùa mưa đến sớm từ tháng 4 kết thúc vào tháng 9.

* Nhiệt độ:

- Nhiệt độ trung bình hàng năm là : 22,20C.
- Nhiệt độ cao nhất hàng năm là : 37,90C.
- Nhiệt độ thấp nhất hàng năm là : -1,30C.
- Độ ẩm trung bình hàng năm là : 83,4%.

* Gió:

- Hướng gió chủ yếu là Bắc Nam. Gió Bắc hình hành từ tháng 11 đến tháng 4. Gió Nam thịnh hành từ tháng 5 đến tháng 10. Tốc độ gió trung bình 0,9m/s. Tốc độ gió lớn nhất 40m/s (hướng Tây ngày 18/05/1968).

* Mưa:

- Lượng mưa bình quân năm: 1573,5mm.
- Lượng mưa ngày đêm lớn nhất trong năm: 313mm.
- Số ngày mưa trung bình trong năm là 122 ngày.

* Độ ẩm :

- Độ ẩm tương đối trung bình là 83,4%.
- Độ ẩm thấp nhất tương đối trung bình là 75%.

* Sương muối: Thông thường cứ 2-4 năm có một trận sương muối như 20-30 năm có trận sương muối nặng.

* Giông: Thường xuất hiện từ tháng 3 đến tháng 9. Tổng số ngày có giông trong năm là 110 ngày. Giông thường xuất hiện nhiều nhất vào tháng 5 kèm gió xoáy.

* Sương mù: Trung bình năm có 103 ngày, thường là tháng 10,11,12 nhiều nhất là tháng 12.

b. Đặc điểm hệ thống sông ngòi

Lưu vực sông Mê Kông (trên địa phận tỉnh Điện Biên): Hệ thống sông Mê Kông có diện tích lưu vực là 1.495km² với các nhánh sông chính là Nậm Rốm và Nậm Nưa. Sông Nậm Rốm bắt nguồn từ phía Bắc huyện Điện Biên chảy qua thành phố Điện Biên Phủ, qua xã Pa Thơm (huyện Điện Biên) rồi chảy sang Lào. Sông Nậm Nưa bắt nguồn từ xã Mường Nhà (huyện Điện Biên) chảy theo hướng Nam Bắc sau đó chuyển sang hướng gặp sông Nậm Rốm ở lòng chảo Điện Biên rồi chảy sang Lào.

Sông ở thượng nguồn dốc, nhiều thác ghềnh đến lòng chảo Điện Biên độ dốc nhỏ. Sông Nậm Rốm có dòng chảy quanh co, hệ số uốn khúc là 1,46, dọc theo 2 bờ sông có rất nhiều suối nhỏ, trong đó có một số nhánh chủ yếu như: Nậm Phăng, Nậm Khẩu Hú, Nậm Cọ.

1.1.4. Tình hình phát triển Kinh tế

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển, tốc độ tăng trưởng đạt 7,1% năm 2023, cao hơn so với bình quân chung của cả nước (tốc độ tăng trưởng của cả nước là 5,05%), xếp thứ hạng 27/63 tỉnh, thành phố và đứng thứ 4/14 tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc. GRDP bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 42,98 triệu đồng/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng, ước thực hiện năm 2023: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 15,60%, công nghiệp - xây dựng chiếm 22,25%, dịch vụ chiếm 57,7%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,45%. Tổng thu ngân sách địa phương tăng 4,37% so với năm trước. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 14,36% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước tăng 19,77%), góp phần quan trọng trong thực hiện mục tiêu huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển.

1.2. Hiện trạng lưới điện tỉnh Điện Biên

1.2.1 Hiện trạng hệ thống điện của tỉnh

- Nguồn điện: Hiện tại, tỉnh Điện Biên được cấp điện từ lưới điện quốc gia thông qua 5 trạm biến áp 110kV là trạm 110kV E21.1 Tuần Giáo (E21.1) công suất 2x16MVA, trạm 110kV E21.2 Điện Biên (E21.2) công suất 1x25MVA + 1x16MVA và trạm 110kV Xi măng Điện Biên (E21.4) công suất 1x12,5MVA, trạm 110kV E21.6 Điện Biên 2 (E21.6) công suất 1x25MVA, trạm 110kV E21.7 Mường Chà (E21.6) công suất 1x25MVA. Các trạm này được cấp điện từ tuyến đường dây 110kV Sơn La - Thuận Châu - Tuần Giáo - Điện Biên - Xi măng Điện Biên.

Trạm 110kV E21.1 Tuần Giáo đặt tại thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, trạm có công suất 1x16MVA +1x16MVA -110/35/22kV. Phía 110kV của trạm được đấu nối với đường dây mạch kép 110kV Tuần Giáo - Thuận Châu - Sơn La và đường dây mạch kép Tuần Giáo - Lai Châu. Trạm có nhiệm vụ cấp điện cho các huyện Tuần Giáo, Tủa Chùa và một số xã của huyện Mường Ảng thông qua 3 lộ đường dây 35kV và 1 lộ đường dây 22kV. Ngoài ra trong trường hợp trạm 110kV E21.2 Điện Biên hoặc ĐZ110kV Tuần Giáo - Điện Biên bị sự cố, trạm còn có khả năng cấp điện cho các khu vực còn lại của tỉnh Điện Biên qua đường dây 35kV mạch vòng giữa 2 trạm.

Trạm 110kV E21.2 Điện Biên đặt tại thành phố Điện Biên Phủ, trạm có công suất 1x25MVA + 1x 25MVA - 110/35/22kV. Phía 110kV được đấu nối vào đường dây mạch đơn 110kV Điện Biên - Tuần Giáo là dây AC185 chiều dài 59,9km. Trạm có nhiệm vụ cấp điện cho thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và một số xã của huyện Mường Ảng thông qua các lộ đường dây cấp điện áp 35kV và 22kV. Bên cạnh đó, phía thanh cái 35kV của trạm còn được nhận điện từ các nhà máy thủy điện Nà Loi (9,3MW), thủy điện Thác Báy (2,4MW), nhà máy thủy điện Thác Trắng (6MW) và nhà máy thủy điện Pa Khoang (2,4MW), nhà máy thủy điện Nậm Khẩu Hu (3MW).

Trạm 110kV Xi măng Điện Biên đặt tại xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, đây là trạm khách hàng, trạm có công suất 12,5MVA - 110/6kV. Trạm được cấp điện bằng đường dây mạch kép 110kV Xi măng Điện Biên - Điện Biên (hiện đường dây mới treo 1 mạch), dây AC185 chiều dài 24,3km. Trạm được đưa vào vận hành cuối năm 2009, công suất mang tải của trạm tùy theo tình trạng vận hành của nhà máy xi măng Điện Biên.

Trạm 110kV E21.7 Mường Chà đặt tại thị trấn Mường Chà, trạm có công suất 1x25MVA -110/35kV. Phía 110kV của trạm được đấu nối với đường dây 110kV Điện Biên – Mường Chà. Trạm có nhiệm vụ cấp điện cho các huyện Mường Chà, Mường Nhé và một số xã của huyện Nậm Pồ thông qua 3 lộ đường dây 35kV.

Trạm 110kV E21.6 Điện Biên 2 đặt tại xã Sam Mứn Huyện Điện Biên, trạm có công suất 1x25MVA -110/35/22kV. Phía 110kV của trạm được đấu nối với đường dây 110kV Điện Biên – Xi măng Điện Biên. Trạm có nhiệm vụ cấp điện cho các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông và sang nước bạn Lào.

Bên cạnh các trạm nguồn lưới điện quốc gia, Trên địa bàn tỉnh Điện Biên hiện nay có 20 nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác với tổng công suất lắp máy là 279,3MW bao gồm: Thác Trắng (6MW); Nậm He (16MW); Pá Khoang (2,4MW); Nà Loi (9,3MW); Thác Báy (2,4MW); Nậm Mứn (44MW); Trung Thu (30MW); Nậm Núa (10,8MW); Nậm Mu 2 (10,2MW); Nậm Khẩu Hu (3MW); Na Son (3,2MW); Long Tạo (44MW); Nậm Pay (7,5MW); Huổi Vàng (11MW); Mùn Chung 2 (9MW); Sông Mã 3 (29,5MW); Mường Luân 1 (10MW); Huổi Chan 1 (15MW); Đê Bâu (6MW); Mường Luân 2 (10MW).

- Lưới điện: Hệ thống lưới điện tỉnh Điện Biên hiện nay tồn tại các cấp điện áp 110, 35, 22kV. Trong đó cấp điện áp truyền tải 110kV có đường dây 110kV mạch kép Sơn La -Thuận Châu -Tuần Giáo, đường dây 110kV mạch kép Tuần Giáo - Thủy điện Lai Châu; đường dây 110kV mạch đơn Tuần Giáo – Điện Biên – NM Xi măng Điện Biên và Điện Biên - Mường Chà. Lưới điện 22kV phát triển ở thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, TX Mường Lay và thị trấn Tuần Giáo và còn lại chủ yếu là lưới điện 35kV cấp điện cho các huyện thị.

1.2.2. Hiện trạng lưới điện thôn bản

Do đặc điểm là tỉnh vùng núi phía Bắc, địa hình đồi núi gây khó khăn trong việc đi lại và mật độ dân cư còn thưa, nên việc cấp điện đến các thôn bản vùng sâu

vùng xa còn gặp nhiều khó khăn, đến hết năm 2023, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện của tỉnh Điện Biên mới đạt khoảng 93,26%.

Các nguồn lực đầu tư công được tập trung để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số dự án được đầu tư để đưa lưới điện Quốc gia tiếp cận đến các khu vực thôn bản khó khăn, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng tại khu vực dự án.

Nhiều dự án cấp điện nông thôn về các thôn bản vùng sâu vùng xa đã được triển khai thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ tiếp cận điện lưới trên địa bàn tỉnh. Trong đó nổi bật là Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia giai đoạn 2014-2020 với việc triển khai nhiều công trình trải rộng trên địa bàn tỉnh như, dự án cấp điện cho bản Huổi Sáy, bản Huổi Diết, bản Nậm Piền, bản Nậm Cang 1 (Tía Tâu) xã Mường Tùng, huyện Mường Chà; bản Pá Liếng (Hua Nậm) xã Ảng Cang, bản Chan 1, bản Chan 2 xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng đầu tư xây dựng năm 2021. Dự án cấp điện cho bản Hồ Củng, bản Huổi Anh xã Chà Tờ, huyện Nậm Pồ; bản Na My (Đoàn Kết), bản Pá Lùng, bản Nậm Vì Mông xã Chung Chải, bản Hoa Ban+ Huổi Cầu xã Nậm Vì, huyện Mường Nhé đầu tư xây dựng năm 2021. Dự án cấp điện cho bản Phì Giàng 2 xã Tủa Thành, bản Phiêng Páng xã Sính Phình, bản Củ Dỉ Sang xã Tả Phình, huyện Tủa Chùa; bản Huổi Múa B, bản Huổi Hua A2 xã Keo Lôm, bản Là Sảnh B xã Xa Dung, huyện Điện Biên Đông đầu tư xây dựng năm 2021; Công trình cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia cho các bản Ché Á, Háng Tàu, xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo đầu tư xây dựng năm 2023... Song song với đó thì các cấp chính quyền cơ sở huyện và xã cũng nỗ lực để thực hiện các dự án quy mô vừa và nhỏ để giúp đỡ các hộ dân chưa được sử dụng lưới điện trong khu vực có thể tiếp cận sử dụng điện tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội và góp phần thúc đẩy an ninh Quốc phòng trên địa bàn.

1.3. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch

Các giải pháp công trình, phi công trình được đề xuất cần phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển vùng tỉnh Điện Biên đã được xác định trong các Quy hoạch, kế hoạch phát triển chung ở cấp Quốc gia, vùng tỉnh Điện Biên cũng như các quy hoạch ngành, lĩnh vực của địa phương, cụ thể như:

a. Các chương trình và dự án cấp quốc gia

Để giải quyết các vấn đề đã được xác định ở trên, Chính phủ Việt Nam hiện đang thực hiện một số chính sách có liên quan đến Dự án gồm 2 giai đoạn chính.

Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo thông qua Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 – 2020 tạo động lực cho các chương trình mục tiêu về xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần thực hiện công bằng, an ninh xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất của người dân khu vực nông thôn, miền núi, góp phần cải thiện và thu hẹp dân khoảng cách phát triển trong

vùng và giữa các vùng một cách bền vững, thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020; Cấp điện cho các hộ dân nông thôn, miền núi và hải đảo nhằm tạo động lực xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần thực hiện công bằng, an sinh xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị, giữ vững an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biển đảo của Tổ quốc; tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất của người dân khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo.

b. Cấp chính quyền tỉnh

Để đảm bảo việc cấp điện ổn định, bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và phấn đấu đạt mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra là đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện là 98% (Đến hết năm 2023, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện của tỉnh Điện Biên mới đạt khoảng 93,26 %). UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành nhiều quyết định nhằm triển khai đưa lưới điện Quốc gia về với các vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa gồm Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc phê duyệt Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt điều chỉnh Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về phê duyệt điều chỉnh danh mục phạm vi và quy mô các tiểu Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục các công trình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021, thuộc Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, giai đoạn 2014-2020.

1.4. Các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện

Dự án bắt đầu được bố trí vốn và khởi công thực hiện từ năm 2015, đến thời điểm báo cáo đã triển khai thực hiện hoàn thành và cấp điện cho 6.605 hộ, thuộc địa bàn 108 thôn bản, thuộc 37 xã của 09 huyện và thành phố với quy mô xây dựng mới: 253,563 km tuyến đường dây trung áp (35kV); 209,271 km tuyến đường dây 0,4kV và xây dựng 107 trạm biến áp với tổng dung lượng là 6959,5 kVA; đã cấp điện cho 6.605 hộ dân.

Trong đó, Năm 2023 đã hoàn thành việc thi công công trình cấp điện cho 148 hộ dân thuộc địa bàn 02 thôn bản thuộc xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo, với quy mô: 4,568 km tuyến đường dây 35kV; 02 trạm biến áp với tổng dung lượng là 100 kVA; xây dựng 3,576 km tuyến đường dây 0,4kV; lắp đặt 148 công tơ.

1.5. Kết luận sự cần thiết phải đầu tư

Hiện nay tỉnh Điện Biên là một trong những tỉnh có tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thấp nhất trong cả nước 93,26%, hiện vẫn còn khoảng 6,74% số hộ dân chưa được sử dụng điện lưới quốc gia (với khoảng 10.400 hộ dân chưa có điện), trong đó có 118 bản trắng chưa có điện.

Để đảm bảo việc cấp điện ổn định, bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và phấn đấu đạt mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra; tỉnh Điện Biên đã xây dựng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho chủ trương thực hiện Đề án Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 – 07/5/2024), trong đó xác định thực hiện Chương trình “Bùng sáng Điện Biên” với mục tiêu huy động các nguồn lực để đầu tư đưa lưới điện quốc gia đến vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo đến hết năm 2025 có trên 98% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

Tỉnh Điện Biên là tỉnh miền núi, đặc biệt khó khăn, nguồn thu trên địa bàn còn hạn chế, trên 90% ngân sách hoạt động của tỉnh là từ Ngân sách Trung ương hỗ trợ, nguồn đầu tư công từ NSDP của tỉnh rất hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh Điện Biên tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, do nguồn vốn bố trí để triển khai thực hiện dự án chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, đến thời điểm hiện tại tỉnh Điện Biên đang là một trong những tỉnh có tỷ lệ số hộ dân chưa được sử dụng điện cao nhất cả nước.

Xác định rõ những khó khăn, thách thức mà tỉnh Điện Biên hiện đang gặp phải trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, việc đề xuất bổ sung nguồn vốn NSTW, nguồn vốn ODA, vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”, cung cấp nguồn điện lưới phục vụ sinh hoạt sản xuất kinh doanh, ổn định dân cư đảm bảo an ninh quốc phòng của vùng dự án, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ người dân và nâng cao thu nhập cho người dân, hoàn thành mục tiêu giảm nghèo và phát triển bền vững tại địa phương là hết sức cần thiết và cấp bách.

Dự án triển khai trên địa bàn các huyện là những khu vực vùng sâu, vùng xa, đời sống của nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu, cơ sở hạ tầng yếu kém và chưa được đầu tư đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn ở mức cao.... Nhu cầu vốn để đầu tư cho các khu vực này là rất lớn, trong khi đó tỉnh Điện Biên là một tỉnh nghèo, rất khó kêu gọi các thành phần kinh tế khác đầu tư (xã hội hóa) và ngân sách của tỉnh cũng còn rất hạn chế. Chính vì vậy, nhu cầu sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương để hỗ trợ thực hiện dự án là vô cùng quan trọng và cần thiết, đảm bảo hỗ trợ kịp thời cho đồng bào nhân dân các dân tộc của tỉnh Điện Biên và để triển khai thực hiện Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”.

Dự án được triển khai mang ý nghĩa lớn đáp ứng nguyện vọng, nhu cầu mong mỏi và cấp thiết của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh, có ý nghĩa vô cùng quan trọng và tác động rất lớn đến an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, ổn định dân cư, phát triển sản xuất đối với khu vực nông thôn miền núi tỉnh Điện Biên và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

2.1. Mục tiêu đầu tư

2.1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống lưới điện nông thôn, cấp điện sinh hoạt và sản xuất cho các hộ dân thuộc các thôn bản vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giúp người dân có điều kiện tiếp cận các thông tin về chính sách pháp luật, văn hóa, y tế, giáo dục, các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao đời sống dân trí, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 5.093 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 110 thôn bản thuộc 47 xã trên địa bàn 07 huyện (Mường Nhé, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Ảng, Tuần Giáo, Điện Biên, Tủa Chùa) có điện, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên.

2.2. Phạm vi, địa điểm và quy mô đầu tư

Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 5.093 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 110 thôn bản thuộc 47 xã trên địa bàn 07 huyện (Mường Nhé, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Ảng, Tuần Giáo, Điện Biên, Tủa Chùa); với quy mô đầu tư xây dựng mới: 365,197 km đường dây trung áp 35kV, 105 trạm biến áp với tổng công suất là 5.550 KVA, 159,276 km đường dây hạ áp 0,4kV, 5.093 công tơ.

Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư được tóm tắt theo bảng sau:

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”)

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
I	Huyện Mường Nhé						
1	Xã Pá Mỳ						
	Huổi Lụ 3	1	1	50,0	3,69	0,96	45
	Huổi Pét	1	1	50,0	2,59	2,00	47
	Huổi Lụ 1	1					

2	Xã Chung Chải						
	Pá Lùng nhóm 3	1	1	50,0	3,03	0,69	45
	Pá Lùng nhóm 2		1	50,0	0,94	0,44	50
3	Xã Sen Thượng						
	Bản Pa Ma	1	1	50,0	13,74	0,32	27
	Lò San Chải	1	1	50,0	5,01	0,87	19
	Tả Ló San	1	1	50,0	11,07	0,39	35
4	Xã Huổi Lếch						
	Pa Tét	1	1	75,0	8,50	4,40	80
5	Xã Mường Nhé						
	Mường Nhé 1 (Đề án 79)	1	1	75,0	3,84	1,98	100
	Tổng I	9	9	500,0	52,41	12,06	448
II	Huyện Mường Chà						
1	Xã Mường Mươn						
	Huổi Ho	1	1	50,0	3,72	1,14	45
	Huổi Nhả	1	1	50,0	2,80	0,96	44
	Pú Chả	1	1	50,0	6,56	1,58	45
	Pú Múa	1	1	75,0	4,12	3,50	95
	Kết Tinh	1	1	50,0	5,05	0,66	55
	Huổi Vang	1	1	50,0	0,24	0,93	42
	Huổi Meo	1	1	50,0	1,80	0,76	48
	Huổi Meo nhóm 2		1	50,0	1,73	1,38	60
2	Xã Na Sang						
	Huổi Xuân	1	1	50,0	2,91	4,21	79
	Huổi Hả	1	1	50,0	2,43	3,64	75
3	Xã Ma Thì Hồ						
	Huổi Y	1	1	50,0	3,83	1,04	19
4	Xã Sa Lông						
	Bản 36A	1	1	50,0	0,95	0,80	37
	Bản 36 nhóm 2					0,36	8
	Sa Lông 2	1	1	50,0	2,75	0,97	24
5	Xã Huổi Lèng						
	Ma Lù Thàng 2	1	1	50,0	0,37	0,48	25
	Ca Dính Nhè	1	1	50,0	6,47	2,37	65
	Nậm Chua	1	1	75,0	3,95	2,67	85
6	Xã Mường Tùng						
	Huổi Chá	1	1	50,0	0,28	1,22	42
	Đán Đanh	1	1	50,0	2,57	0,27	63
	Púng Trạng	1	1	50,0	3,57	0,62	38
	Púng Trạng Nhóm 2		1	50,0	1,88	0,10	19
	Nậm Piền 2	1	1	50,0	4,40	1,19	55
	Nậm Cang 2	1	1	50,0	3,76	0,94	65
	Nậm Cang 3		1	50,0	3,48	0,51	33
7	Xã Sá Tổng						

	Trung Ghênh	1	1	50,0	0,80	2,42	20
	Xà Phìn I nhóm 2	1	1	50,0	1,18	0,59	20
	Háng Mùa Lừ	1	1	50,0	5,20	1,80	54
8	Xã Huổi Mí						
	Pa Xoan II	1	1	50,0	3,48	0,72	51
	Pa ít	1	1	50,0	1,35	0,37	61
	Huổi Ít (nhóm 1)	1	1	50,0	5,09	1,11	43
	Huổi Ít (nhóm 2)		1	50,0	1,44	0,41	20
	Huổi Xuân	1	1	50,0	3,62	2,28	70
9	Xã Hừa Ngài						
	Phu Di Tổng	1	1	50,0	5,18	0,78	73
	Tổng II	28	32	1650,0	96,97	42,74	1578
III	Huyện Nậm Pồ						
1	Xã Nà Khoa						
	Nậm Nhừ Con	1	1	50,0	3,77	1,83	68
2	Xã Vàng Đán						
	Vàng Đán 1	1	1	50,0	3,59	2,30	44
	Vàng Đán 2	1	1	50,0	1,72	0,79	20
3	Xã Nậm Tin						
	Huổi Tang	1	1	50,0	3,43	1,71	82
	Nậm Tin 1	1	1	50,0	2,42	2,72	41
4	Xã Na Cô Sa						
	Na Cô Sa 3(nhóm 2)	1	1	50,0	3,18	0,71	35
	Pắc A2	1				1,09	17
5	Xã Pa Tần						
	Huổi Quang	1	1	50,0	9,16	1,32	54
	Huổi Tre	1	1	50,0	7,20	2,02	52
	Huổi Púng	1	1	50,0	3,52	0,82	27
6	Xã Chà Tở						
	Bản Sìn Thàng	1	1	50,0	9,65	0,55	29
7	Xã Nậm Khăn						
	Nậm Pang	1	1	50,0	4,18	0,82	46
8	Xã Phìn Hồ						
	Bản Pháng Chủ	1				0,85	19
	Tổng III	13	11	550,0	51,82	17,53	534
IV	Huyện Mường Ảng						
1	Xã Ảng Cang						
	Hua Nậm	1	1	50,0	0,50	0,62	18
2	Xã Ngồi Cáy						
	Nậm Cúm	1	1	50,0	1,11	1,11	71
	Chan III	1	1	75,0	7,37	2,59	87
3	Xã Ảng Tở						
	Huổi Háo	1	1	50,0	3,30	2,53	57
	Tọ Công	1	1	50,0	2,10	1,10	22

	Cha Cuông (phát triển bản mới)	1	1	50,0	1,20	1,10	20
4	Xã Xuân Lao						
	Pha Hún	1	1	50,0	2,74	0,75	27
	Khu Pom Đôn	1	1	50,0	2,00	1,50	27
5	Xã Mường Đăng						
	Chan I nhóm 2	1	1	50,0	3,57	0,62	20
	Pơ Mu	1	1	50,0	3,98	1,45	20
6	Xã Ảng Nưa						
	Nhóm dân cư và khu dịch vụ thương mại chân đèo Tăng Quái	1	1	50	0,80	2,00	21
7	Xã Mường Lạn						
	Xuân Lúa (phát triển bản mới)	1				0,60	14
	Tổng IV	12	11	575,0	28,66	15,97	404
V	Huyện Tuần Giáo						
1	Xã Pú Xi						
	Thảm Táng	1	1	50,0	2,88	1,92	71
2	Xã Tỏa Tinh						
	Sông Ia	1	1	50,0	3,54	1,21	38
3	Xã Mường Mùn						
	Gia Bọp	1	1	50,0	1,55	0,97	58
4	Xã Quài Tở						
	Thảm Pao	1	1	50,0	3,00	0,36	19
5	Xã Tênh Phong						
	Há Dừa	1	1	50,0	2,75	2,95	54
	Thăm Năm	1	1	50,0	2,58	0,69	21
	Huổi Anh	1	1	50,0	6,83	1,42	36
	Xá Tự	1	1	75,0	9,00	3,79	88
	Tổng V	8	8	425,0	32,12	13,31	385
VI	Huyện Điện Biên						
1	Xã Na Ư						
	Púng Bừa (chung TBA với bản Na Côm xã Hẹ Muông)	1	1	50,0	7,74	0,91	52
	Nà Láy	1				0,58	27
2	Xã Mường Lói						
	Co Đưa	1	1	50,0	4,29	0,63	45
	Huổi Không	1	1	50,0	10,32	1,28	48
	Huổi Chon	1	1	50,0	4,96	0,47	49
	Na Chén	1	1	50,0	7,71	0,34	23
	Noong É	1	1	50,0	4,28	3,75	72
3	Xã Mường Nhà						
	Pha Thanh	1	1	75,0	11,75	1,32	100

	Tổng VI	8	7	375,0	51,05	9,28	416
VII	Huyện Tủa Chùa						
1	Xã Mường Báng						
	Phiêng Bung	1	1	50,0	0,21	0,65	24
	Háng Tơ Mang	1	1	50,0	2,41	1,83	70
2	Xá Nhè						
	Trung Dù	1	1	100,0	0,35	4,25	140
	Bản Lịch 2	1	0	0,0	0,00	0,43	15
	Bản Lịch 1	1	0	0,0	0,00	0,71	15
	Pàng Dề B	1	0	0,0	0,00	0,63	16
	Tỉnh B	1	0	0,0	0,00	0,77	30
	Sín Sù 2	1	1	50,0	0,75	0,76	25
	Pàng Dề A	1	0	0,0	0,00	0,50	30
	Sín Sù 1	1	1	50,0	0,84	1,64	30
3	Xã Mường Đun						
	Bản Đun	1	1	50,0	0,06	0,61	31
	Bản Túc	1	1	50,0	4,66	0,87	46
	Đề Tâu	1	1	50,0	0,50	1,50	24
4	Xã Tủa Thàng						
	Tả Hủ Tráng 1 (nhóm 1)	1	0	0,0	0,00	1,56	23
	Tả Hủ Tráng 1 (nhóm 2)		0	0,0	0,00	0,64	15
	Làng Vùa	1	1	50,0	0,50	1,50	29
5	Xã Huổi Sớ						
	Thôn 1	1	1	50,0	1,10	0,61	19
	Hồng Ngải (Huổi Ca)	1	1	50,0	2,42	2,70	26
6	Xã Trung Thu						
	Pô Ca Dao	1	1	50,0	2,01	2,79	24
	Trung Phàng Khô	1					28
	Đề Can Hồ (Mô Lô Tổng)	1	1	50,0	0,02	0,71	23
	Đề Can Hồ (Phình Hồ Ke)		1	50,0	2,51	0,99	50
	Háng Cu Tâu	1	1	75,0	3,01	4,48	90
	Đề Bâu	1	1	50,0	3,86	1,93	40
7	Xã Tả Phìn						
	Tủa Chử Phồng	1	1	50,0	1,15	0,46	45
	Tà Dê	1	1	50,0	2,40	1,58	40
8	Xã Lao Xá Phình						
	Chèo Chử Phình	1	1	50,0	1,55	1,93	43
	Cáng Phình	1	1	100,0	3,68	2,45	104
9	Xã Tả Sìn Thàng						
	Páo Tỉnh Làng 2	1	1	50,0	4,07	0,56	20
	Tà Tâu	1	1	50,0	1,10	0,71	43
	Háng Tùng	1	1	50,0	0,10	0,77	39

10	Xã Sín Chải						
	Cánh Chua 2 (nhóm 1)	1	1	50,0	3,78	3,20	35
	Cánh Chua 2 (nhóm 2)		1	50,0	0,51	0,58	16
	Cánh Chua 2 (nhóm 3)						
	Chế Cu Nhe (nhóm hộ)	1	1	50,0	4,31	1,00	25
	Háng Khúa	1	1	50,0	4,31	2,12	55
	Tổng VII	32	27	1475	52,183	48,399	1328
	Tổng	110	105	5550	365,197	159,276	5093

Trong đó: gồm 07 dự án thành phần như sau:

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Nhé: dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 448 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 9 thôn bản thuộc 5 xã trên địa bàn huyện Mường Nhé; với quy mô đầu tư xây dựng mới: 52,41 km đường dây trung áp 35kV, 9 trạm biến áp với tổng công suất là 500 KVA, 12,06 km đường dây hạ áp 0,4kV, 448 công tơ.

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Mường Nhé

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
	Huyện Mường Nhé						
1	Xã Pá Mỳ						
	Huổi Lụ 3	1	1	50,0	3,69	0,96	45
	Huổi Pét	1	1	50,0	2,59	2,00	47
	Huổi Lụ 1	1					
2	Xã Chung Chải						
	Pá Lùng nhóm 3	1	1	50,0	3,03	0,69	45
	Pá Lùng nhóm 2		1	50,0	0,94	0,44	50
3	Xã Sen Thượng						
	Bản Pa Ma	1	1	50,0	13,74	0,32	27
	Lò San Chải	1	1	50,0	5,01	0,87	19
	Tả Ló San	1	1	50,0	11,07	0,39	35
4	Xã Huổi Lếch						
	Pa Tét	1	1	75,0	8,50	4,40	80
5	Xã Mường Nhé						
	Mường Nhé 1 (Đề án 79)	1	1	75,0	3,84	1,98	100
	Tổng	9	9	500,0	52,41	12,06	448

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Chà: dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 1578 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 28 thôn bản thuộc 9 xã trên địa bàn huyện Mường Chà; với quy mô đầu tư xây dựng mới: 96,97 km đường dây trung áp 35kV, 32 trạm biến áp với tổng công suất là 1650 KVA, 42,74 km đường dây hạ áp 0,4kV, 1578 công tơ.

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Mường Chà

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
	Huyện Mường Chà						
1	Xã Mường Mươn						
	Huổi Ho	1	1	50,0	3,72	1,14	45
	Huổi Nhả	1	1	50,0	2,80	0,96	44
	Pú Chả	1	1	50,0	6,56	1,58	45
	Pú Múa	1	1	75,0	4,12	3,50	95
	Kết Tinh	1	1	50,0	5,05	0,66	55
	Huổi Vang	1	1	50,0	0,24	0,93	42
	Huổi Meo	1	1	50,0	1,80	0,76	48
	Huổi Meo nhóm 2		1	50,0	1,73	1,38	60
2	Xã Na Sang						
	Huổi Xuân	1	1	50,0	2,91	4,21	79
	Huổi Hả	1	1	50,0	2,43	3,64	75
3	Xã Ma Thì Hồ						
	Huổi Y	1	1	50,0	3,83	1,04	19
4	Xã Sa Lông						
	Bản 36A	1	1	50,0	0,95	0,80	37
	Bản 36 nhóm 2					0,36	8
	Sa Lông 2	1	1	50,0	2,75	0,97	24
5	Xã Huổi Lèng						
	Ma Lù Thàng 2	1	1	50,0	0,37	0,48	25
	Ca Dính Nhè	1	1	50,0	6,47	2,37	65
	Nậm Chua	1	1	75,0	3,95	2,67	85
6	Xã Mường Tùng						
	Huổi Chá	1	1	50,0	0,28	1,22	42
	Đán Đanh	1	1	50,0	2,57	0,27	63
	Púng Trạng	1	1	50,0	3,57	0,62	38
	Púng Trạng Nhóm 2		1	50,0	1,88	0,10	19
	Nậm Piền 2	1	1	50,0	4,40	1,19	55
	Nậm Cang 2	1	1	50,0	3,76	0,94	65
	Nậm Cang 3		1	50,0	3,48	0,51	33
7	Xã Sá Tổng						

	Trung Ghênh	1	1	50,0	0,80	2,42	20
	Xà Phìn I nhóm 2	1	1	50,0	1,18	0,59	20
	Háng Mùa Lừ	1	1	50,0	5,20	1,80	54
8	Xã Huổi Mí						
	Pa Xoan II	1	1	50,0	3,48	0,72	51
	Pa ít	1	1	50,0	1,35	0,37	61
	Huổi Ít (nhóm 1)	1	1	50,0	5,09	1,11	43
	Huổi Ít (nhóm 2)		1	50,0	1,44	0,41	20
	Huổi Xuân	1	1	50,0	3,62	2,28	70
9	Xã Hừa Ngài						
	Phu Di Tổng	1	1	50,0	5,18	0,78	73
	Tổng	28	32	1650,0	96,97	42,74	1578

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Nậm Pồ: dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 534 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 13 thôn bản thuộc 8 xã trên địa bàn huyện Nậm Pồ; với quy mô đầu tư xây dựng mới: 51,82 km đường dây trung áp 35kV, 11 trạm biến áp với tổng công suất là 550 KVA, 17,53 km đường dây hạ áp 0,4kV, 534 công tơ.

Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư được tóm tắt theo bảng sau:

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Nậm Pồ

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
	Huyện Nậm Pồ						
1	Xã Nà Khoa						
	Nậm Nhừ Con	1	1	50,0	3,77	1,83	68
2	Xã Vàng Đán						
	Vàng Đán 1	1	1	50,0	3,59	2,30	44
	Vàng Đán 2	1	1	50,0	1,72	0,79	20
3	Xã Nậm Tin						
	Huổi Tang	1	1	50,0	3,43	1,71	82
	Nậm Tin 1	1	1	50,0	2,42	2,72	41
4	Xã Na Cô Sa						
	Na Cô Sa 3(nhóm 2)	1	1	50,0	3,18	0,71	35
	Pắc A2	1				1,09	17
5	Xã Pa Tản						
	Huổi Quang	1	1	50,0	9,16	1,32	54
	Huổi Tre	1	1	50,0	7,20	2,02	52
	Huổi Púng	1	1	50,0	3,52	0,82	27
6	Xã Chà Tở						

	Bản Sín Thàng	1	1	50,0	9,65	0,55	29
7	Xã Nậm Khăn						
	Nậm Pang	1	1	50,0	4,18	0,82	46
8	Xã Phìn Hồ						
	Phìn Hồ (nhóm hộ)	1				0,85	19
	Tổng	13	11	550,0	51,82	17,53	534

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Mường Ảng: dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 404 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 12 thôn bản thuộc 7 xã trên địa bàn huyện Mường Ảng; với quy mô đầu tư xây dựng mới: 28,66 km đường dây trung áp 35kV, 11 trạm biến áp với tổng công suất là 575 KVA, 15,97 km đường dây hạ áp 0,4kV, 404 công tơ.

Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư được tóm tắt theo bảng sau:

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên” – Phần đường dây huyện Mường Ảng)

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
	Huyện Mường Ảng						
1	Xã Ảng Cang						
	Hua Nậm	1	1	50,0	0,50	0,62	18
2	Xã Ngòi Cáy						
	Nậm Cúm	1	1	50,0	1,11	1,11	71
	Chan III	1	1	75,0	7,37	2,59	87
3	Xã Ảng Tở						
	Huổi Háo	1	1	50,0	3,30	2,53	57
	Tọ Công	1	1	50,0	2,10	1,10	22
	Cha Công (phát triển bản mới)	1	1	50,0	1,20	1,10	20
4	Xã Xuân Lao						
	Pha Hún	1	1	50,0	2,74	0,75	27
	Khu Pom Đón	1	1	50,0	2,00	1,50	27
5	Xã Mường Đăng						
	Chan I nhóm 2	1	1	50,0	3,57	0,62	20
	Pơ Mu	1	1	50,0	3,98	1,45	20
6	Xã Ảng Nưa						
	Nhóm dân cư và khu dịch vụ thương mại chân đèo Tăng Quái	1	1	50	0,80	2,00	21
7	Xã Mường Lạn						

	Xuân Lúa (phát triển bản mới)	1				0,60	14
	Tổng	12	11	575,0	28,66	15,97	404

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Tuần Giáo: dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 385 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 8 thôn bản thuộc 5 xã trên địa bàn huyện Tuần Giáo; với quy mô đầu tư xây dựng mới: 32,12 km đường dây trung áp 35kV, 8 trạm biến áp với tổng công suất là 425 KVA, 13,31 km đường dây hạ áp 0,4kV, 385 công tơ.

Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư được tóm tắt theo bảng sau:

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Tuần Giáo

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
	Huyện Tuần Giáo						
1	Xã Pú Xi						
	Thảm Táng	1	1	50,0	2,88	1,92	71
2	Xã Tỏa Tinh						
	Sông Ia	1	1	50,0	3,54	1,21	38
3	Xã Mường Mùn						
	Gia Bọp	1	1	50,0	1,55	0,97	58
4	Xã Quài Tở						
	Thảm Pao	1	1	50,0	3,00	0,36	19
5	Xã Tênh Phong						
	Há Dừa	1	1	50,0	2,75	2,95	54
	Thảm Nặm	1	1	50,0	2,58	0,69	21
	Huổi Anh	1	1	50,0	6,83	1,42	36
	Xá Tự	1	1	75,0	9,00	3,79	88
	Tổng	8	8	425,0	32,12	13,31	385

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Điện Biên: dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 416 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 8 thôn bản thuộc 3 xã trên địa bàn huyện Điện Biên; với quy mô đầu tư xây dựng mới: 51,05 km đường dây trung áp 35kV, 7 trạm biến áp với tổng công suất là 375 KVA, 9,28 km đường dây hạ áp 0,4kV, 416 công tơ.

Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư được tóm tắt theo bảng sau:

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Điện Biên

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
	Huyện Điện Biên						
1	Xã Na Ú						
	Púng Bửa (chung TBA với bản Na Côm xã Hẹ Muông)	1	1	50,0	7,74	0,91	52
	Nà Láy	1				0,58	27
2	Xã Mường Lói						
	Co Đũa	1	1	50,0	4,29	0,63	45
	Huổi Không	1	1	50,0	10,32	1,28	48
	Huổi Chon	1	1	50,0	4,96	0,47	49
	Na Chén	1	1	50,0	7,71	0,34	23
	Noong É	1	1	50,0	4,28	3,75	72
3	Xã Mường Nhà						
	Pha Thanh	1	1	75,0	11,75	1,32	100
	Tổng	8	7	375,0	51,05	9,28	416

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Tủa Chùa: dự kiến Xây dựng hệ thống lưới điện cấp điện cho khoảng 1.328 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của 32 thôn bản thuộc 10 xã trên địa bàn huyện Tủa Chùa; với quy mô đầu tư xây dựng mới: 52,183 km đường dây trung áp 35kV, 27 trạm biến áp với tổng công suất là 1.475 KVA, 48,399 km đường dây hạ áp 0,4kV, 1.328 công tơ.

Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư được tóm tắt theo bảng sau:

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và phạm vi đầu tư của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) –huyện Tủa Chùa

TT	Xã/bản xây dựng CT	Số thôn bản	Tổng số TBA	Dung lượng trạm KVA	Đường dây trung áp(Km)	Đường dây 0,4kV (Km)	Số hộ dân dự kiến cấp điện
	Huyện Tủa Chùa						
1	Xã Mường Báng						
	Phiêng Bung	1	1	50,0	0,21	0,65	24
	Háng Tơ Mang	1	1	50,0	2,41	1,83	70
2	Xá Nhè						
	Trung Dù	1	1	100,0	0,35	4,25	140
	Bản Lịch 2	1	0	0,0	0,00	0,43	15
	Bản Lịch 1	1	0	0,0	0,00	0,71	15
	Pàng Dề B	1	0	0,0	0,00	0,63	16
	Tỉnh B	1	0	0,0	0,00	0,77	30

	Sín Sù 2	1	1	50,0	0,75	0,76	25
	Pàng Dề A	1	0	0,0	0,00	0,50	30
	Sín Sù 1	1	1	50,0	0,84	1,64	30
3	Xã Mường Đun						
	Bản Đun	1	1	50,0	0,06	0,61	31
	Bản Túc	1	1	50,0	4,66	0,87	46
	Đề Tâu	1	1	50,0	0,50	1,50	24
4	Xã Tủa Thàng						
	Tả Hủ Tráng 1 (nhóm 1)	1	0	0,0	0,00	1,56	23
	Tả Hủ Tráng 1 (nhóm 2)		0	0,0	0,00	0,64	15
	Làng Vùa	1	1	50,0	0,50	1,50	29
5	Xã Huổi Sớ						
	Thôn 1	1	1	50,0	1,10	0,61	19
	Hồng Ngải (Huổi Ca)	1	1	50,0	2,42	2,70	26
6	Xã Trung Thu						
	Pô Ca Dao	1	1	50,0	2,01	2,79	24
	Trung Phàng Khồ	1					28
	Đề Can Hồ (Mô Lô Tông)	1	1	50,0	0,02	0,71	23
	Đề Can Hồ (Phình Hồ Ke)		1	50,0	2,51	0,99	50
	Háng Cu Tâu	1	1	75,0	3,01	4,48	90
	Đề Bâu	1	1	50,0	3,86	1,93	40
7	Xã Tả Phìn						
	Tủa Chử Phồng	1	1	50,0	1,15	0,46	45
	Tả Dê	1	1	50,0	2,40	1,58	40
8	Xã Lao Xả Phình						
	Chèo Chử Phình	1	1	50,0	1,55	1,93	43
	Cáng Phình	1	1	100,0	3,68	2,45	104
9	Xã Tả Sìn Thàng						
	Páo Tinh Làng 2	1	1	50,0	4,07	0,56	20
	Tả Tâu	1	1	50,0	1,10	0,71	43
	Háng Tùng	1	1	50,0	0,10	0,77	39
10	Xã Sín Chải						
	Cáng Chua 2 (nhóm 1)	1	1	50,0	3,78	3,20	35
	Cáng Chua 2 (nhóm 2)						
	Cáng Chua 2 (nhóm 3)						
	Ché Cu Nhe (nhóm hộ)	1	1	50,0	4,31	1,00	25
	Háng Khúa	1	1	50,0	4,31	2,12	55
	Tổng	32	27	1475	52,183	48,399	1328

2.3. Hiệu quả đầu tư

Dự án cấp điện cho 5.093 hộ dân được sử dụng lưới điện Quốc gia giúp cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn nơi có mức sống thấp so với mức trung bình của cả nước.

Việc cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia giúp cung cấp nguồn điện lưới điện cho khu vực vùng sâu chưa có điều kiện tiếp cận lưới điện để phục vụ sản xuất kinh doanh, ổn định dân cư và nâng cao đời sống, giúp đảm bảo an ninh quốc phòng của vùng dự án đặc biệt là những vùng giáp ranh biên giới.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

* Tổng mức đầu tư cho dự án dự kiến là **1.260.000.000.000** đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.041.015.609.220	đồng
- Chi phí thiết bị:	30.184.257.300	đồng
- Chi phí đền bù GPMB:	45.024.995.393	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	29.366.664.258	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	59.452.027.383	đồng
- Chi phí khác:	37.472.522.942	đồng
- Chi phí dự phòng:	17.483.923.504	đồng

* Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn ngân sách Trung ương (hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2024 và năm 2025)

Cụ thể tổng mức đầu tư 07 dự án thành phần gồm:

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Nhé. Tổng mức đầu tư 162.430.794.785 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Chà. **Tổng mức đầu tư 341.886.852.875 đồng**

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Nậm Pồ. Tổng mức đầu tư 163.060.844.941 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Mường Ảng. Tổng mức đầu tư 100.887.310.165 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Tuần Giáo. Tổng mức đầu tư 112.425.297.802 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Điện Biên. Tổng mức đầu tư 163.787.169.717 đồng

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) – huyện Tủa Chùa. Tổng mức đầu tư 215.521.729.715 đồng

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện và kế hoạch bố trí vốn

a) Tiến độ dự kiến triển khai thực hiện dự án: Từ năm 2024 đến năm 2026.

- Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư: Tháng 5-6/2024

- Lập, Phê duyệt Báo cáo NCKT dự án: Từ tháng 6 đến tháng 9/2024

- Đầu tư Xây dựng các công trình thuộc dự án: Tháng 10/2024-12/2026

(Thực hiện theo tiến độ giao vốn và kế hoạch triển khai của từng dự án thành phần).

b) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án

Dự kiến bố trí vốn hàng năm của dự án

DVT: Tỷ VNĐ

Nguồn vốn			
Kế hoạch vốn hàng năm của dự án	2024	2025	Tổng
Vốn NSTW	500	760	1.260

(Đối với các dự án thành phần: Trên cơ sở tiến độ giao vốn của dự án, cơ quan có thẩm quyền căn cứ nhu cầu, tiến độ thực hiện các dự án thành phần để phân bổ phù hợp theo quy định)

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành

5.1. Sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án: Xác định cụ thể trong Tổng mức đầu tư sơ bộ

5.2. Sơ bộ chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

Sau khi các công trình của Dự án được hoàn thành đầu tư xây dựng sẽ được chuyển giao cho Đơn vị tiếp nhận quản lý, khai thác, vận hành là Công ty Điện lực Điện Biên – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc theo quy định. Do vậy, trong nội dung phạm vi dự án sẽ không tính toán xác định cụ thể chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành.

6. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

6.1. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

6.1.1. Người hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp của dự án

Người hưởng lợi từ hạng mục cơ sở hạ tầng được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Số người hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng

DVT: Người

TT	Tên dự án	Số hộ	Số người
1	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”)	5.093	25.565
	TỔNG CỘNG	5.093	25.565

Các hộ dân thuộc các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên, cụ thể là: 5.093 hộ gia đình (khoảng 25.565 người) đồng bào dân tộc thiểu số của 110 thôn bản thuộc 47 xã trên địa bàn 07 huyện (Mường Nhé, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Ảng, Tuần Giáo, Điện Biên, Tủa Chùa).

Bên cạnh số người được hưởng lợi trực tiếp, còn có nhiều đối tượng được hưởng lợi gián tiếp từ dự án như: Các hộ kinh doanh buôn bán và các doanh nghiệp cũng được hưởng lợi khi sử dụng điện để đưa hàng hóa, sản phẩm từ nơi khác đến, cũng như thu mua, chế biến nông lâm sản của người dân địa phương được thuận tiện...và nhất là việc cung ứng điện phục vụ cho lĩnh vực giáo dục, y tế, sản xuất và an ninh quốc phòng.

Dự án được đề xuất xây dựng trên cơ sở các khoản đầu tư có quy mô và phù hợp với chiến lược ưu tiên của Nhà nước, địa phương; Góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống người dân của các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên.

6.1.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội

a. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế

Thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo bền vững vùng dự án thông qua việc cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, từ đó giúp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân tại khu vực, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

b. Đánh giá sơ bộ hiệu quả xã hội

Việc phát triển kinh tế sẽ thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, thay đổi tư duy sản xuất của người dân, thu hẹp khoảng cách giữa người dân tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn với người dân tại các khu vực phát triển. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giảm nghèo bền vững; giải quyết việc làm; phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh xây dựng và phát huy giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tăng cường an ninh chính trị của vùng dự án.

6.2. Hiệu quả của dự án

Dự án sẽ cấp điện sinh hoạt cho khoảng 5.093 hộ gia đình (khoảng 25.565 người) đồng bào dân tộc thiểu số của 110 thôn bản thuộc 47 xã trên địa bàn 07

huyện (Mường Nhé, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Ảng, Tuần Giáo, Điện Biên, Tủa Chùa).

Việc cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc Gia giúp cung cấp nguồn điện lưới điện cho khu vực vùng sâu chưa có điều kiện tiếp cận lưới điện để phục vụ sản xuất kinh doanh, ổn định dân cư và nâng cao đời sống, giúp đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

6.3. Tác động của dự án

Dự án được đề xuất là một trong những nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu có trong danh mục các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên, là các công trình ưu tiên quan trọng trong kế hoạch đầu tư của tỉnh.

Việc cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc Gia nhằm đảm bảo việc cấp điện ổn định, bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Ngoài những điều trên, có nhiều tác động gián tiếp khác. Tác động tiềm năng có thể được liệt kê trong bảng dưới đây:

Những tác động dự kiến trực tiếp và gián tiếp của Dự án

Nội dung	Tác động trực tiếp = Mục tiêu cụ thể	Tác động gián tiếp
• Phát triển cơ sở hạ tầng		
Cấp điện nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> + Tăng năng suất và giảm chi phí sản xuất khi có máy móc phục vụ sản xuất + Đời sống sinh hoạt được nâng cao khi sử dụng các thiết bị điện trong gia đình như: Tivi, tủ lạnh, máy tính, điện thoại, internet.... 	<ul style="list-style-type: none"> + Giúp nâng cao trình độ dân trí, khi được tiếp xúc với các phương tiện truyền thông được nhanh chóng hơn. + Cải thiện việc tiếp cận đến trường học, cơ sở y tế + Nâng cao tỉ lệ học sinh nhập học...

6.4. Những tác động về thu hồi đất

Đất thu hồi trong dự án toàn bộ là đất nông nghiệp, đất đòi việc thu hồi sẽ được thông qua chính quyền địa phương và các ban ngành liên quan và làm việc trực tiếp với từng hộ dân. Việc thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật, giảm thiểu tối đa đến cuộc sống người dân và có chế độ đền bù thỏa đáng, phù hợp, đảm bảo được sự đồng thuận các bên liên quan.

Mục tiêu cơ bản và nguyên tắc chung là giảm thiểu các ảnh hưởng từ việc thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện trong việc đề xuất các phương án thiết kế của dự án. Trong trường hợp không tránh khỏi tái định cư, cần đảm bảo người bị ảnh hưởng bởi dự án được chia sẻ lợi ích, tham vấn đầy đủ và tham gia vào kế hoạch tái định cư, được bồi thường thiệt hại, hỗ trợ ổn định và phục hồi cuộc sống ít nhất là bằng hoặc tốt hơn mức sống hiện tại của cộng đồng khi chưa có dự án. Các chính sách áp dụng để lập kế hoạch tái định cư phải phù hợp với chính sách

của Chính phủ và các quy định hiện hành.

6.5. Tính khả thi và bền vững của dự án

Với các công trình thuộc dự án được khảo sát, nghiên cứu xây dựng đồng bộ dựa trên các điều kiện đặc thù của tỉnh Điện Biên và khu vực, phù hợp các quy hoạch ngành lĩnh vực cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh Điện Biên các hạng mục vật chất và phi vật thể của dự án sẽ được nghiên cứu xây dựng theo các nguyên tắc đã nêu trên, với các tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu phải đáp ứng tính bền vững theo thời gian và đảm bảo theo các quy định hiện hành có liên quan.

6.6. Đánh giá sơ bộ tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh

Tỉnh Điện Biên là tỉnh nghèo thuộc khu vực trung du miền núi, không có điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội; nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng – an ninh rất lớn. Hiện nay tỉnh Điện Biên là một trong những tỉnh có tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thấp nhất trong cả nước. Để phấn đấu hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020-2025 (phấn đấu đến hết năm 2025 trên 98% số hộ dân trong tỉnh được sử dụng điện lưới quốc gia); và để thực hiện “**Chương trình bùng sáng Điện Biên**” hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954-2024) tương đương với việc phải huy động nguồn lực đầu tư cấp điện, với quy mô cấp điện cho khoảng 10.400 hộ, trong đó có 118 bản trắng chưa có điện; Tổng nguồn vốn đầu tư dự kiến là 2.051,130 tỷ đồng. *(theo Văn bản số 2035/UBND-KT ngày 04/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên)*

Hiện nay Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2021-2025 chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nguồn vốn bố trí để thực hiện cho Dự án rất ít và hạn chế mới chỉ duy nhất có nguồn Ngân sách địa phương bố trí cho dự án giai đoạn 2021-2025 là 128,19 tỷ đồng. Vì vậy, trong thời gian tới nếu dự án được đầu tư bằng nguồn vốn NSTW, tỉnh Điện Biên sẽ có điều kiện tập trung nguồn lực vào các chương trình, dự án cấp bách khác để phát triển ổn định kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế, xây dựng nông thôn mới.

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường

7.1. Tác động trong giai đoạn thi công

a. Nguồn gây tác động:

*** Nguồn gây ô nhiễm tới môi trường nước:**

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong thời gian thực hiện dự án (rất nhỏ).

- Có thể xảy ra ô nhiễm nguồn nước mặt nếu để xảy ra tràn ít dầu, mỡ ra ngoài trong khi thay dầu máy phương tiện, máy móc phục vụ thi công. Tuy nhiên, số lượng này là rất nhỏ vì số lượng máy móc, thiết bị thi công ít do khối lượng thi công mỗi vị trí không đáng kể và nằm rải rác trong khu vực dự án. Tuy nhiên các

đơn vị vẫn phải đảm bảo xử lý các nguồn chất thải để không ảnh hưởng tới nguồn nước.

*** Nguồn gây ô nhiễm do chất thải rắn:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Do hoạt động ăn uống, sinh hoạt hằng ngày của công nhân trên công trường như bã chè, giấy vụn, thức ăn thừa...Tuy nhiên, những loại chất thải này sẽ được thu gom đúng nơi quy định, sau đó đưa đến bãi đổ thải quy định của địa phương nên gần như không có tác động xấu đến môi trường.

- Chất thải rắn xây dựng: Gồm các vật liệu dư thừa như đoạn dây dẫn thừa sau khi căng dây, các mẫu kim loại nhỏ như dây buộc vương vãi ở các vị trí thi công, các phụ kiện, vỏ bao xi măng... Tuy nhiên số lượng là rất ít và những vật liệu này sẽ được thu gom về kho hoặc đưa đến bãi đổ thải quy định của địa phương.

*** Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí:**

Trong quá trình thi công đào đắp móng cột, trộn xi măng.. có phát sinh bụi, khí thải như SO₂, NO_x, CO₂... Ngoài ra còn có bụi, khí thải ra từ ống xả của ô tô, xe máy khi chuyên chở vật liệu hoặc máy móc, thiết bị thi công dự án. Những ảnh hưởng trên có thời gian ảnh hưởng ngắn, mang tính cục bộ, chỉ tập trung trong giai đoạn thi công ở các vị trí đang thi công công trình.

*** Nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn:**

Tiếng ồn do các hoạt động xây dựng gây ra chủ yếu do:

Do ô tô, xe tải, phương tiện thi công vận chuyển thiết bị vật liệu xây dựng trên công trường.

Nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn là không đáng kể vì khối lượng, thời gian thi công tại mỗi vị trí là ít, các vị trí thi công nằm rải rác.

b. Các tác động chính:

*** Tác động đến tài nguyên đất**

Dự án có thu hồi đất ở các vị trí xây dựng móng cột, đất thu hồi chủ yếu là đất nông nghiệp, đất đồi trồng cây hoa màu, đất ven đường....diện tích thu hồi nhỏ, dự án có thu hồi đất nông nghiệp tạm thời trong quá trình thi công tuyến đường dây.

*** Tác động tới môi trường sinh thái**

Vị trí thực hiện dự án không đi qua khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia, rừng cây phòng hộ, do vậy không ảnh hưởng tác động đến môi trường sinh thái.

*** Tác động đến giao thông công cộng**

Giao thông đường bộ:

- Làm tăng mật độ phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường giao thông gần vị trí thi công công trình, tuy nhiên theo thời điểm thi công do vậy không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng rất ít đến giao thông công cộng..

- Gián đoạn giao thông do hoạt động căng rải dây tại các đoạn giao chéo vượt đường giao thông ở một số thời điểm.

*** Sự cố, tai nạn lao động**

- Tai nạn lao động: Có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động tại các địa điểm thi công (các vị trí cột ở khu vực dân cư, công nhân thi công trên cao).

- Tai nạn giao thông: Có nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông ở các vị trí thi công giao chéo với đường giao thông, khu vực có mật độ người tham gia giao thông cao.

- Tai nạn do điện giật: Các hoạt động thi công kéo căng dây giao chéo với đường dây điện, có nguy cơ tai nạn trong quá trình vận hành thử tuyến đường dây ...

- Các nguy cơ về tai nạn lao động là không lớn nhưng nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy định về an toàn sản xuất không được các đơn vị thi công chấp hành nghiêm chỉnh.

7.2. Tác động trong giai đoạn vận hành

*** Ô nhiễm do chất thải rắn**

- Quá trình vận hành đường dây không tạo ra các loại khí thải, nước thải, chất thải rắn.

- Các hoạt động chuyên chở thiết bị phục vụ bảo trì, bảo dưỡng tuyến đường dây không đáng kể. Do đó nguồn gây ô nhiễm không khí, đất, nước, chất thải rắn hầu như không có.

*** Sự cố, tai nạn lao động trong quá trình vận hành**

- Điện giật: Khi công nhân vận hành không chấp hành nghiêm chỉnh quy tắc an toàn trong vận hành thì sự cố điện giật có thể xảy ra. Sự cố này ảnh hưởng trực tiếp đến người vận hành đường dây.

- Cháy nổ: Hiện tượng cháy nổ có thể xảy ra khi có sự cố chập điện, sét đánh hoặc đứt dây ... Trong trường hợp đó, hệ thống rơ le bảo vệ tại hai đầu đường dây sẽ tự động cắt đường dây khỏi nguồn điện. Loại sự cố này chỉ xảy ra tại chỗ và trong thời gian ngắn.

*** Ảnh hưởng điện từ trường đến sức khỏe Con người và động vật**

Theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP, khi người lao động không sử dụng thiết bị phòng tránh tác động của điện trường, thời gian làm việc tại nơi có điện trường được quy định trong bảng sau:

Bảng cường độ điện trường và giới hạn làm việc cho phép làm việc trong 01 ngày đêm

Cường độ điện trường	<5	5	8	10	12	15	18	20	20<E<25	≥25
----------------------	----	---	---	----	----	----	----	----	---------	-----

(kV/m)										
Thời gian cho phép làm việc trong một ngày đêm (phút)	không hạn chế	480	225	180	130	80	48	30	10	0

Theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020, đối với nhà cửa nằm trong hành lang tuyến phải đảm bảo cường độ điện trường $\leq 5\text{kV/m}$ tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất 1m và $\leq 1\text{kV/m}$ tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất 1m. Tuyến đường dây thiết kế đảm bảo yêu cầu quy phạm trang bị điện, do đó cường độ điện từ trường trong hành lang tuyến là rất nhỏ và không ảnh hưởng đến sức khỏe Con người. Điều này cho phép các nhà dân được tồn tại dưới hành lang tuyến đường dây.

7.3. Kết luận đánh giá tác động môi trường

Căn cứ vào phân tích đánh giá các ảnh hưởng đến môi trường ở trên và giải pháp thiết kế ta có kết luận sau:

- Việc xây dựng dự án có ảnh hưởng đến môi trường nhưng không đáng kể.
- Các tác động tiêu cực của việc thi công xây dựng tuyến đường dây có thể giảm thiểu đến mức tối đa nhờ các biện pháp thi công thân thiện với môi trường như xe chuyên chở vật liệu phải có bạt che chắn, trong quá trình thi công làm các thủ tục với các đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện, các công nhân phải được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, nhất là khi làm việc trên cao cần có đai bảo vệ... Tổ chức cảnh báo giao thông, phân làn giao thông hợp lý, có biện pháp thi công chi tiết để đảm bảo thi công an toàn tuyệt đối. Giám sát, giáo dục công nhân, cán bộ làm việc trong quá trình thi công và vận hành để không xảy ra tệ nạn xã hội, mất an ninh trật tự khu vực.

7.4. Biện pháp an toàn trong thi công xây dựng

- Tai nạn lao động: Có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động tại các địa điểm thi công (các vị trí móng cột được xây dựng ở khu vực dân cư).
- Tai nạn giao thông: Có nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông ở các vị trí thi công giao chéo với đường giao thông, khu vực có mật độ người tham gia giao thông cao.
- Tai nạn do điện giật: Các hoạt động thi công kéo căng dây giao chéo với đường dây điện, có nguy cơ tai nạn trong quá trình vận hành thử tuyến đường dây,...

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức của cán bộ, công nhân trong khi sinh hoạt và thi công về ý thức phòng chống Tai nạn lao động.

Các nguy cơ về tai nạn lao động là rất nhỏ, tuy nhiên nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy định về an toàn sản xuất không được các đơn vị thi công chấp hành nghiêm chỉnh.

7.5. Phòng chống cháy nổ

7.5.1. Nguồn gây tác động

Trong giai đoạn thi công công trình: sự cố cháy nổ rất dễ xảy ra nếu các nội quy trong quá trình thi công không được thực hiện nghiêm túc. Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong các trường hợp:

- Do một số hoạt động trong quá trình sinh hoạt của công nhân trong công trường như: nấu ăn, hút thuốc lá...có thể vô tình gây cháy nổ...

Quá trình vận chuyển, tồn chứa nhiên liệu hoặc do thiếu an toàn trong vận hành hệ thống cấp điện tạm thời,...

Các kho chứa nguyên liệu, nhiên liệu tạm thời phục vụ thi công, máy móc, thiết bị kỹ thuật (sơn, dầu DO, dầu FO,...) là các nguồn gây cháy nổ.

Hệ thống cấp điện tạm thời do các máy móc, thiết bị thi công dự án có thể gây chập, cháy, giật điện,...

Trong quá trình vận hành: Hiện tượng cháy nổ có thể xảy ra khi có sự cố chập điện, sét đánh hoặc đứt dây ...

7.5.2. Các giải pháp phòng chống cháy nổ

Tại công trường thi công cần lưu ý:

Tuyên truyền, giáo dục ý thức của cán bộ, công nhân trong khi sinh hoạt và thi công về ý thức phòng chống cháy nổ. Tổ chức các buổi tập huấn phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân.

Tại công trường cần trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Khi vận hành, sự cố cháy, nổ có thể xảy ra khi chập điện hoặc quá tải, sét đánh hoặc đứt dây... Sự cố cháy nổ do điện chỉ xảy ra tại chỗ và trong thời gian ngắn, vì khi xảy ra sự cố các Role bảo vệ đặt tại trạm sẽ tự động ngắt mạch. Để tránh sự cố cháy nổ ảnh hưởng đến các nhà trong tuyến, khi thi công đơn vị thi công sẽ xử lý triệt để các chướng ngại vật hành lang tuyến theo quy định của ngành điện.

8. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án

8.1. Tổ chức thực hiện chung

Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên là Cơ quan chủ quản của Dự án, chịu trách nhiệm chỉ đạo và điều hành việc thực hiện Dự án.

Đối với các dự án thành phần: được quản lý như đối với dự án độc lập (theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật Xây dựng 2014 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020).

8.2. Tổ chức thực hiện Quản lý dự án

Cơ quan, đơn vị được giao làm Chủ đầu tư dự án/ dự án thành phần chịu trách nhiệm cho việc chuẩn bị và thực hiện dự án/ dự án thành phần.

8.3. Nhiệm vụ của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư dự kiến có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Quyết định việc tổ chức bộ máy/ giao đơn vị trực thuộc quản lý thực hiện dự án.
- Thực hiện công tác chuẩn bị dự án, thực hiện dự án; tiếp nhận vốn, quản lý vốn và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.
- Tổ chức giám sát và đánh giá tình hình thực hiện, đảm bảo chương trình, dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra.
- Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các sai phạm trong công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn thuộc thẩm quyền quản lý của mình.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

8.4. Công tác quản lý, bàn giao vận hành sử dụng công trình

8.4.1. Cơ quan chịu trách nhiệm vận hành dự án

- Cơ quan thực hiện dự án: Cơ quan, đơn vị được giao làm Chủ đầu tư dự án/ dự án thành phần.
- Đơn vị tiếp nhận quản lý, khai thác, vận hành: Công ty Điện lực Điện Biên – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

8.4.2. Quy trình bàn giao từ đơn vị thực hiện sang vận hành dự án

- Để cho việc tiếp nhận dự án được tốt, ngay trong quá trình triển khai dự án, công tác tiếp nhận sẽ tiến hành đồng thời trên cơ sở phối hợp giữa Chủ đầu tư và Công ty Điện lực Điện Biên – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc và các cơ quan đơn vị có liên quan và các nhà thầu.
- Công tác tiếp nhận quản lý cần được hoàn thiện các tài liệu sau đây:
 - + Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ báo cáo khảo sát, hồ sơ hoàn công công trình.
 - + Các quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công, phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm và xây lắp.
 - + Các quyết định thoả thuận tuyến, biên bản thoả thuận vị trí đặt trạm biến áp và vị trí xây dựng công trình, quyết định cấp đất xây dựng của cấp có thẩm quyền.
 - + Các lý lịch thiết bị, vật tư quan trọng, các kết quả thí nghiệm thiết bị, vật liệu điện, kết quả xây dựng...
 - + Các văn bản nghiệm thu kỹ thuật và khối lượng thanh toán.
 - + Quyết toán công trình và công tác bàn giao vốn, tài sản.
 - + Các văn bản khác liên quan đến nghĩa vụ quy định trong dự án/ dự án thành phần.

- Công ty Điện lực Điện Biên – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc là đơn vị tiếp nhận và quản lý vận hành các công trình của dự án sau hoàn thành vì vậy cần phải tham gia ngay từ đầu các công việc có liên quan như: Thống nhất các quan điểm kỹ thuật, công tác thí nghiệm, công tác nghiệm thu... để bàn giao công trình được thuận lợi.

- Nội dung phương pháp, quy chế hoạt động và các nguyên tắc quản lý khai thác dự án/ dự án thành phần được áp dụng theo đúng các quy định hiện hành.

9. Đề xuất, kiến nghị

Việc đầu tư Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”) là Dự án có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thiết thực để chào mừng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Dự án sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống người dân của các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn trên địa bàn các huyện của tỉnh Điện Biên; Từ đó giúp nâng cao dân trí, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân tại khu vực, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Dự án được triển khai mang ý nghĩa lớn đáp ứng nguyện vọng, nhu cầu mong mỏi và cấp thiết của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh, có ý nghĩa vô cùng quan trọng và tác động rất lớn đến an sinh xã hội, ổn định dân cư, bảo đảm quốc phòng an ninh, phát triển sản xuất đối với khu vực nông thôn miền núi tỉnh Điện Biên, công cuộc xây dựng nông thôn mới, quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và phát triển kinh tế xã hội...

Từ tình hình thực tế, nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ như trên Sở Công Thương Điện Biên xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”). Kính trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt./.